

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/03/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố B.

Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1398/2021/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 06 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/03/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 63/A7, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 63/A7, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Lộc, Đội 12, phân trại 3, C10 Bộ Công An, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L và ông H đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn H tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên

sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra bất hòa, tính tình không hợp, nhiều lần cả hai cùng ngồi lại vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm của bà với ông Lê Văn H cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Lê Văn H để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông H có 02 người con chung là cháu Lê Trần Minh H, sinh ngày 18/06/2008 và Lê Trần Tuấn H, sinh ngày 21/6/2014. Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng cháu H và cháu H, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L khai bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai của ông Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất ý kiến với nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của bà L về việc cả hai tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông và bà L không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, bà L xin ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà L có 02 người con chung là cháu Lê Trần Minh H, sinh ngày 18/06/2008 và Lê Trần Tuấn H, sinh ngày 21/6/2014. Ly hôn, ông đồng ý giao cháu H và cháu H cho bà Trần Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, ông không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lê Văn H, bởi giữa hai người đã không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Tòa án cũng đã hòa giải đoàn tụ cho hai bên, nhưng bà L vẫn nhất quyết ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà L và ông H thống nhất giao cháu Lê Trần Minh H, sinh ngày 18/06/2008 và cháu Lê Trần Tuấn H, sinh ngày 21/6/2014 cho bà Trần Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Nợ chung: các bên không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị L nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Lê Văn H, sinh năm 1975; Hộ khẩu thường trú: 63/A7, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Qua nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng ông Lê Văn H cung cấp bản tự khai và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và phiên tòa; bà Trần Thị L sau đó cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà L và ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Trần Thị L khai thì bà và ông Lê Văn H tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2007; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên sau đó cả hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nhiều lần cả hai đã cùng ngồi lại đề hàn gắn vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Mặc dù, ông Lê Văn H cho rằng vợ chồng ông, bà không có mâu thuẫn gì nhưng bà L xin ly hôn thì ông cũng đồng ý. Do đó, xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà L - ông H không hạnh phúc trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Do vậy, việc bà Trần Thị L xin ly hôn với ông Lê Văn H là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông H có 02 người con chung là Lê Trần Minh H, sinh ngày 18/06/2008 và cháu Lê Trần Tuấn H, sinh ngày 21/6/2014. Ly hôn, ông, bà thống nhất giao cháu H, cháu H cho bà Trần Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Do đó, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của bà L và ông H.

Về cấp dưỡng: Ông H không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung: Bà L khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ tách ra khỏi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Trần Thị L phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L. Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Về con chung: Giao Lê Trần Minh H, sinh ngày 18/06/2008 và cháu Lê Trần Tuấn H, sinh ngày 21/6/2014 cho bà Trần Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001631 ngày 09/06/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L và ông Lê Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Dương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân

SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa